

Bản án số: **40** /2019/HS-PT
Ngày: 04-03- 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Thuận**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Như Tám**

Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 242/2018/TLPT-HS ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Trần Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố HT, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1988, nơi sinh: Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp P, xã VT, huyện GR, tỉnh Kiên Giang; CMND số: 371347322; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị N ; vợ là Danh Thị Kim H và có 01 con sinh tháng 7/2018; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 942/L-CQĐT ngày 16/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã HT (tạm giữ từ ngày 07/8/2018 đến ngày 16/8/2018). Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T khai T là tài xế lái xe tải thuê cho bà Lê Thị Thanh H, bà H giao xe cho T loại xe ô tô tải biển kiểm soát 66S-4820. Vào ngày 07/8/2018 H kêu T chạy xe đi thị xã HT chở hàng và đưa cho T 33.000.000đ để trả tiền hàng, đổ dầu, tiền công lái xe. T điều khiển xe ô tô tải đến khu vực quán Sala thuộc khu phố 2, phường Đ, thị xã HT và thông báo bằng điện thoại cho bà H biết, sau đó có một người đàn ông đến gặp T nhận tiền rồi điều khiển xe ô tô tải đi, một lúc sau thì người đàn ông điều khiển xe ô tô quay trở lại và giao cho T. Sau khi nhận xe xong và biết trên xe có thuốc lá điều, T điều khiển xe chạy về hướng RG, khi đến đoạn đường Quốc lộ 80 thuộc khu phố 3, phường C, thị xã HT thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện trên xe có 2.750 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 2.000 bao thuốc lá điều hiệu HERO; 500 bao thuốc lá điều hiệu RAM và 250 bao thuốc lá điều hiệu JET) nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ số tang vật.

Vật chứng trong vụ án gồm:

- 1) 2.000 (Hai nghìn) bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu HERO.
- 2) 500 (Năm trăm) bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu RAM.
- 3) 250 (Hai trăm năm mươi) bao thuốc lá điều nhập lậu hiệu JET.
- 4) 05 (năm) thùng Cacton
- 5) 01 (một) bao tải màu trắng.
- 6) 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, model SM-J730G, màu xanh, số imei 1: 353317094242386, số imei 2: 353318094248384, gắn sim có số seri 89840200010607193463 của mạng Vinaphone và sim có số seri 89840505171319767051 của mạng Vietnammoblie (đã qua sử dụng).
- 7) Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 300.000 đồng.
- 8) 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu JAC, số loại TRA1044K, màu sơn xanh; biển kiểm soát 66S-4820, số máy: 07086346, số khung: 471200595 (xe đã qua sử dụng).

Các vật chứng từ mục số 1 đến mục 6 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự thị xã HT (nay là thành phố HT); Vật chứng mục số 7 hiện đang gửi tại Kho bạc nhà nước HT; Vật chứng tại mục số 8 đã trả lại cho bà

Lê Thị Thanh H theo quyết định xử lý vật chứng số 1151 ngày 11/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã HT.

* *Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2018/HS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố HT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo **Trần Văn T** phạm tội "*Vận chuyển hàng cấm*".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2018 đến ngày 16/8/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/11/2018, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang trình bày quan điểm:* Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS để xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và người bào chữa của bị cáo đưa ra tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra” và “phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm g, m khoản 1, 2 Điều 51 BLHS là không có cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* *Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm:* Bị cáo phạm tội do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế, không biết chủng loại nào là hàng hóa Nhà nước cấm vận chuyển, phạm tội do thụ động, khi chở hàng không biết hàng đó là thuốc lá nhập lậu. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm m, g khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 54 BLHS để giảm án cho bị cáo T, cho bị cáo

được hưởng án treo hoặc chuyển thành hình phạt T cho bị cáo có điều kiện chăm sóc gia đình của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm: Vào ngày 07/8/2018 bà Lê Thị Thanh H giao xe ô tô tải biển kiểm soát 66S-4820 cho Trần Văn T chạy xe đi thị xã HT chở hàng và đưa cho T 33.000.000đ để trả tiền hàng, đổ dầu, tiền công lái xe. T điều khiển xe ô tô tải đến thị xã HT gặp, giao tiền và đưa xe tải cho một người đàn ông lái đi, một lúc sau thì quay trở lại và giao xe lại cho T. T nhận xe và biết trên xe có thuốc lá điều nhưng vẫn điều khiển xe chạy về RG, khi đến khu phố 3, phường C, thị xã HT thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện trên xe có 2.750 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 2.000 bao thuốc lá điều hiệu HERO; 500 bao thuốc lá điều hiệu RAM và 250 bao thuốc lá điều hiệu JET) nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ toàn bộ số tang vật. Bị cáo thực hiện hành vi của mình với lỗi cố ý, biết thuốc lá điều nhập lậu là loại hàng Nhà nước cấm tàng trữ, vận chuyển, mua bán nhưng bị cáo vẫn vận chuyển 2.750 bao thuốc lá điều nhập lậu từ thị xã HT (nay là thành phố HT) về thành phố RG. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước trong sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm và trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, HĐXX nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i, s

khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét, cân nhắc hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án như trên là đã phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét, bị cáo và người bào chữa của bị cáo đưa ra tình tiết giảm nhẹ mới là phạm tội do lạc hậu, không biết chủng loại nào là hàng hóa Nhà nước cấm vận chuyển và hoàn cảnh bị cáo quá khó khăn, vợ yếu, con nhỏ nên đề nghị áp dụng điểm g, m khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 54 BLHS, HĐXX thấy rằng bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra, bị cáo là người có học (trình độ học vấn 6/12) không thuộc trường hợp lạc hậu do nguyên nhân khách quan đưa lại, không hiểu biết, không được học tập, không có điều kiện thực tế để nhận biết các đúng sai trong cuộc sống. Do đó, đề nghị của người bào chữa của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài các tình tiết trên bị cáo không còn tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan điểm của Luật sư: HĐXX xét thấy không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST, ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố HT, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 12 (mười hai) tháng tù** về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị

cáo vào chấp hành, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/8/2018 đến ngày 16/8/2018.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND cấp cao tại TPHCM (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- VKS tỉnh KG (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA tỉnh (1);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- TAND TP. HT (1);
- THA DS TP. HT (1);
- VKSND TP. HT (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA TP. HT (1);
- Cơ quan THA HS Công an TP. HT (1);
- Bị cáo (1);
- Người bào chữa (1);
- Lưu (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Văn Thuận

